UBND TỈNH ĐẮK NÔNG **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 320 /BC-BQLKCN	*Đắk Nông, ngày 29 tháng 7 năm 2022*

BÁO CÁO
Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022, Phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông nhận được Công văn số 729/TTr-P2 ngày 15/7/2022 của Thanh tra tỉnh về việc báo cáo kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022, Ban Quản lý các khu công nghiệp báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo

Trong năm 2022, Ban Quản lý các khu công nghiệp không nhận đơn tố cáo (nội dung khiếu nại, phản ánh) của công dân liên quan đến quyết định hành chính của lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Quản lý.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo

Không (không nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức).

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân

a) Kết quả tiếp công dân

Trong năm 2022, không có công dân đến làm việc liên quan đến việc khiếu nại, phản ánh quyết định hành chính của lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Quản lý.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

- Vụ việc khiếu nại qua tiếp công dân: không.
- Vụ việc tố cáo qua tiếp công dân: không.
- Vụ việc kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân: không.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn

a) Tổng số đơn:

- Kỳ trước chuyển sang: 0
- Tiếp nhận trong kỳ: 0

b) Phân loại, xử lý đơn:

- Đơn khiếu nại: 0 vụ việc.

- Đơn tố cáo: không.

- Đơn kiến nghị, phản ánh: không.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền

a) Kết quả giải quyết khiếu nại

Không (không nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức).

b) Kết quả giải quyết tố cáo: Không

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh: Không

4. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Cấp ủy chi bộ, thủ trưởng cơ quan đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Luật Tiếp công dân; Luật Khiếu nại; Luật tố cáo; Chỉ thị 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kế hoạch số 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Ban hành kết quả tiếp công dân niêm yết lịch tiếp công dân tại trụ sở và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan để công dân, doanh nghiệp biết.

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Thành lập Tổ tiếp công dân của cơ quan (Quyết định số 506/QĐ-BQLKCN ngày 01/7/2019).

- Ban hành Nội quy tiếp công dân của cơ quan (Quyết định số 507/QĐ-BQLKCN ngày 01/7/2019).

- Xây dựng và tổ chức thực hiện "Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022". Trong đó, có nội dung tuyền truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Thường xuyên phổ biến, quán triệt Luật Tiếp công dân; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; các văn bản hướng dẫn thi hành; Chỉ thị 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo và các văn bản có liên quan đến

toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan biết, thực hiện.

c) Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo

Trong năm 2022, không nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức. Toàn thể cán bộ, công chức chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Toàn thể công chức, viên chức trong cơ quan đã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trong năm 2022, Ban Quản lý các khu công nghiệp không nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức liên quan đến chức năng, nhiệm vụ; liên quan đến quyết định hành chính và hành vi hành chính của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

Thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ, công chức phụ trách công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác tiếp công dân, doanh nghiệp đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp triển khai thực hiện tốt. Tuy nhiên, về lĩnh vực giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân vẫn còn gặp một số khó khăn, hạn chế vì không thường xuyên tiếp xúc với các vụ việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo.

- Trong năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, doanh nghiệp gửi đến Ban Quản lý các khu công nghiệp, công chức làm công tác theo chế độ kiêm nhiệm vì vậy ít có thời gian để nghiên cứu sâu các văn bản liên quan đến lĩnh vực khiếu nại, tố cáo.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của cấp ủy chi bộ, thủ trưởng cơ quan; ý thức chấp hành pháp luật về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao, đối chiếu với tình hình thực tế của cơ quan thì trong thời gian tới công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ tiếp tục được duy trì, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục thực hiện tốt Luật Tiếp công dân; Luật Khiếu nại; Luật tố cáo; Chỉ thị 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo

của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kế hoạch số 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

- Xử lý kịp thời, dứt điểm, đúng quy định của pháp luật đối với những hành vi tiêu cực của cán bộ, công chức trong cơ quan theo thẩm quyền; phối hợp hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xử lý những hành vi tiêu cực trong cơ quan (nếu có).

- Giải quyết kịp thời, triệt để những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của cá nhân và tổ chức đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho công đoàn và đoàn thanh niên tham gia thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Thanh tra tỉnh tổ chức các lớp tập huấn về giải quyết khiếu nại, tố cáo cho công chức kiêm nhiệm công tác này tại các Sở, ngành, đơn vị có liên quan.

Ban Quản lý các khu công nghiệp báo cáo Thanh tra tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, VP, (C).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK NÔNG

Phạm Xuân Việt

Biểu số: 02/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

Số liệu tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 29/7/2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN ,ngày /7/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền						
												Số vụ việc					
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết		
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 1/8/2021 đến ngày 29/7/2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN ,ngày /7/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13=14+15+16+17=18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 02/XLĐ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI
Số liệu tính từ ngày 1/8/2021 đến ngày 29/7/2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN, ngày /7/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung							Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
											Lĩnh vực hành chính							Đã giải quyết					Vụ việc thuộc			Vụ việc không thuộc thẩm				
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác	Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa	Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+..+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10=11+15+16+17=18+...+22=23+26	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+28+29	27	28	29	30
Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 03/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 29/7/2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN ngày /7/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử		Phân loại vụ việc theo nội dung									Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
													Lĩnh vực hành chính											Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc			Vụ việc không thuộc thẩm				
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác	Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+18+...+21=22+...+25=26+29	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=30 + 31+32	30	31	32	33
Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH
Số liệu tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 29/7/2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN, ngày /7/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+..+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+..+16=17+..+19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 01/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 1/8/2021 đến ngày 29/7/2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN, ngày /7/2022 của Ban Quản lý các khu công nghệ p ỉnh)

Kiến nại thuộc thẩm quyền		Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết															Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						
			Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
							Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)														
2	3	4	5=20+..+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 02/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 29/7/2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN ,ngày /7/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành		Đã khởi tố		
		Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
						Tổ chức		Cá nhân		Tổ chức		Cá nhân						
		Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 03/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
Số liệu tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 29/7/2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN, ngày /5/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																			Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải quyết	
						Đã giải quyết					Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra									
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không do rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tổ chức		Cá nhân				Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Tố cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tố cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
													Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)																
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+..+10=24+26+28=30+31	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 04/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 29/7/2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKCN ,ngày /7/2022 ủ a Ban Quả n lý các khu công nghệ p (nh)

Số kết luận đi thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
	Phải thu		Đã thu		Phải trả						Đã trả						Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân							
							Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)			Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)						
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0